

Số: 88 /BC-CTSTR

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 9 năm 2022

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG	
ĐẾN	Số: 10791
	Ngày: 19/9/22
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý III năm 2022

I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

1. Công tác chỉ đạo điều hành

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) được ban lãnh đạo Cục Thuế Sóc Trăng quan tâm chỉ đạo thực hiện một cách quyết liệt, đồng bộ trên các lĩnh vực. Trên cơ sở bám sát kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Tài Chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh, Cục Thuế Sóc Trăng đã tiếp tục triển khai và thực hiện nhiều giải pháp thiết thực theo hướng đẩy mạnh cải cách thể chế, chính sách; cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại vào công tác quản lý nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Tình hình ban hành, triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

Để tổ chức triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn toàn tỉnh, Cục Thuế đã tham mưu ban hành Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính trên địa bàn như sau: Kế hoạch số 04/KH-CTSTR ngày 14/02/2022 kế hoạch cải cách hành chính của Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 05/KH-CT ngày 14/02/2022 về triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của Cục thuế tỉnh Sóc Trăng năm 2022; Kế hoạch số 10/KH-CTSTR ngày 03/3/2022 về kế hoạch cải cách hành chính của Cục thuế năm 2022. Thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng chức năng, đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 93/QĐ-TCT ngày 20/01/2022 của Tổng cục Thuế; Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Chỉ đạo các phòng thuộc Cục Thuế và 06/06 Chi cục Thuế trực thuộc trên địa bàn tiếp tục triển khai thực hiện tốt mô hình một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định số 2351/QĐ-TCT ngày 11/12/2015 của Tổng cục Thuế, về việc ban hành quy trình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa tại cơ quan Thuế; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 30/8/2018 về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHDT-BTC ngày 23/02/2016 giữa Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính về việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/06/2016 giữa Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc tiếp nhận giải quyết TTHC cho các tổ chức, cá nhân

nhANH chóng, kịp thời, hiệu quả. Đặc biệt, chỉ đạo thực hiện tốt Công văn số số 5240/TCT-KK ngày 16/12/2019 của Tổng cục Thuế, về việc triển khai xác nhận số thuế đã nộp NSNN bằng phương thức điện tử.

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ tại Quyết định số 336/QĐ-UBND ngày 12/02/2019 về việc ban hành quy chế phối hợp quy định phương thức trao đổi thông tin theo hình thức điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của cá nhân, hộ gia đình giữa cơ quan Thuế và cơ quan Đăng ký đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung chỉ đạo tại Quyết định số 3119/QĐ- UBND ngày 05/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành chỉ số cải cách hành chính của các sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập, tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan Trung ương đặt tại tỉnh Sóc Trăng năm 2021 và những năm tiếp theo. Trong quý III năm 2022 Cục Thuế đã thực hiện đầy đủ các báo cáo chấm điểm CCHC quý theo quy định

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ, về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trong công tác cải cách hành chính.

- Về ứng dụng công nghệ hiện đại trong giải quyết thủ tục hành chính thuế được ngành thuế đặc biệt quan tâm và đặt lên hàng đầu, được xem là giải pháp thiết yếu trong rút ngắn thời gian và chi phí cho doanh nghiệp. Ngành thuế tiếp tục mở rộng và công khai dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4 đến các tổ chức và doanh nghiệp, theo đó có tổng cộng 150 thủ tục được triển khai theo phương thức này. Trong quý III năm 2022, tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký khai thuế điện tử duy trì đạt 100%; nộp thuế điện tử đạt trên 96%.

3. Giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC

- Đẩy mạnh ứng dụng công được xem là giải pháp hàng đầu trong công cuộc cải cách và hiện đại hóa của ngành. Đặc biệt, tiếp tục phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh triển khai thực hiện Công văn số 2151/TCT-KK ngày 28/05/2019 của Tổng cục Thuế, về việc hướng dẫn quy trình đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế của HTX theo hình thức liên thông.

- Thực hiện hệ thống tiếp nhận thông tin phản hồi của người nộp thuế thông qua hòm thư góp ý và đường dây nóng, hội nghị đối thoại với người nộp thuế, để cơ chế quản lý thuế ngày càng minh bạch và hoàn chỉnh hơn.

- Trên cơ sở theo dõi nghĩa vụ kê khai của NNT từ hệ thống quản lý thuế, cán bộ thuế đều có gửi thông báo nhắc nộp qua thư điện tử trước ngày đến hạn nộp hoặc trường hợp rất cận đến ngày hạn nộp thì công chức thuế gọi điện trực tiếp đến NNT để đôn đốc nhắc nhở nộp đúng hạn.

- Thực hiện xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện phổ biến nội dung Kế hoạch cải cách quản lý thuế theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế đến toàn thể cán bộ, công chức ngành thuế từ cấp Cục Thuế đến Chi cục Thuế,

đồng thời hoàn thành các công tác tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch theo đúng mục tiêu và thời gian đề ra.

II. Kết quả đạt được

1. Báo cáo thông tin:

S TT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Phạm Chí Đô	Cục Trưởng	0916.656.909
2	Công chức tham mưu cải cách hành chính	Đặng Thị Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng KK-KTT	0939.268.383
		Đái Hoàng Trọng	Phó Chánh VP	0907.888.779
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Trịnh Minh Hậu	Chuyên viên	0939.511.900
4	Công chức phụ trách bộ phận một cửa	Ngô Mỹ Hương	Kiểm tra viên	0967.701.670
5	Công chức phụ trách tổng hợp báo cáo	Lê Thị Tuyết Sương	Chuyên viên	0916.300.488

2. Kết quả đạt được trong triển khai thực hiện 06 nội dung cải cách hành chính và một số nhiệm vụ khác (theo phụ lục đính kèm).

III. Phương hướng, giải pháp triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính quý IV năm 2022

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 1652/QĐ-TCT ngày 23/11/2021 của Tổng cục Thuế về việc thực hiện Đề án đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Phấn đấu tiếp tục duy trì tỷ lệ giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính thuế đúng hạn, đạt tỷ lệ 100%.

- Tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính thuế, thực hiện nghiêm yết và công khai rộng rãi các Quyết định số 1087/QĐ-BTC ngày 03/6/2021, về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực quản lý thuế, thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 187/QĐ-BTC ngày 27/11/2020 của Bộ Tài chính ban hành kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đẩy mạnh triển khai mở rộng các dịch vụ điện tử trong thực hiện các thủ tục khai thuế, nộp thuế, miễn, giảm và hoàn thuế cho NNT. Tiếp tục duy trì tỷ lệ nộp hồ sơ khai thuế qua mạng đạt 100% và tỷ lệ nộp thuế điện tử đạt trên 96%.

- Thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích đảm bảo nhanh chóng kịp thời theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục duy trì áp dụng giải quyết các TTHC theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào hoạt động của các đơn vị thuộc, trực thuộc Cục Thuế.

- Tiếp tục triển khai Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sẽ góp phần giảm thiểu các thủ tục giấy tờ tạo thuận lợi cho người nộp thuế cũng như đáp ứng nhu cầu cải cách hành chính trong công tác quản lý của cơ quan Nhà nước.

- Tiếp tục phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân. Quán triệt sâu sắc trong nhận thức và hành động của cả hệ thống cơ quan Thuế ý thức phục vụ dân, gần dân, giúp dân, học dân. Khắc phục tình trạng đùn đẩy khó khăn của cán bộ, công chức cho người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là báo cáo kết quả cải cách hành chính Quý III năm 2022, một số phương hướng, giải pháp triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính trong Quy IV năm 2022 của Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VT, VP (2b).



CỤC TRƯỞNG

Phạm Chí Đô

BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH_PL2_ B4_ CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

THỨ TỰ	MÃ CHỈ TIÊU	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng/ tỷ lệ	Ghi chú
I	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kể đến thời điểm báo cáo)	%	75	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	24	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	18	
	DM_SNV_PL 2_B4_DVSN_05	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	7	KH số 04/KH-CTSTR; KH số 05/KH-CTSTR; KH số 10/CTSTR; Công văn số 280/CTSTR-VP; Quyết định số 265/QĐ-CTSTR; KH số 18/KH-CTSTR;
2	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Kiểm tra CCHC			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	Quyết định số 265/QĐ-CTSTR
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tuyên truyền CCHC			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	75	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh	Tin, bài		
	DM_SNV_PL 2_B4_DVSN_14	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	6	Định kỳ phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh uỷ để viết 01 bài viết/tháng về CCHC để tuyên truyền trong buổi sinh hoạt thường kỳ của Ban.

	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông	Tin, bài	6	Báo Sóc Trăng: Hợp đồng đăng 01 bài viết/tháng.
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội	Có = 1 Không = 0	1	Cuộc thi trực tuyến về tìm hiểu pháp luật và Công tác CCHC năm 2021.
4	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0 Có = 1		
6	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0 Có = 1	1	
7	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%		
8	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị 10, Chỉ thị 26 của Thủ tướng	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	
9	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cải cách thể chế			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thực hiện tuyên truyền, phổ biến kịp thời các VBQPPL có hiệu lực (đơn vị thuộc phạm vi	Có = 1 Không = 0	1	
III	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cải cách thủ tục hành chính			
1	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thống kê TTHC			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	330	

	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục	182	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục	148	
2	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với hồ	Có = 1 Không = 0	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	60	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	60	
3	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Có = 1 Không = 0	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	21	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
4	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Kết quả giải quyết TTHC			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		33.185	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả	Hồ sơ	33.185	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
IV	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số phòng ban chuyên môn thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	9	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số tổ chức trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	6	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		

	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng phòng ban, tổ chức thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh được cắt giảm trong năm (nếu	Cơ quan, đơn vị		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh được cắt giảm so với kế hoạch	%		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng phòng ban, chuyên môn trong tổ chức trực thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh được	Cơ quan, đơn vị		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ phòng ban, chuyên môn trong tổ chức trực thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh được cắt	%		
2	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số liệu về biên chế công chức			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trong năm	Người	326	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	282	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ phân trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%	100	
3	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số liệu về lãnh đạo			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng lãnh đạo tại đơn vị chủ quản cấp tỉnh	Người	2	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Người	19	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương trong đơn vị trực thuộc	Người	21	
4	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc cấp huyện			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	10	Kế hoạch kiểm tra nội bộ năm
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cải cách chế độ công vụ			
1	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Vị trí việc làm của công chức			

	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	0	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực	Có = 1 Không = 0	0	
2	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1	0	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lãnh đạo tại đơn vị chủ quản cấp tỉnh được bổ nhiệm mới	Người		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh được bổ nhiệm mới	Người		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh được bổ nhiệm mới	Người		
3	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	Người	45	KH số 4222/TCT-TCCB
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	30	CV số 30/INV-DT ngày 01/6/2022 của Trường Nghiệp vụ thuế
4	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Kết quả thực hiện thực tế	Người	17	CV số 187/CTSTR - TCCB ngày 23/02/2022
5	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số liệu về xử lý kỷ luật công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lãnh đạo cơ quan chủ quản cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc đơn vị chủ quản cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật.	Người		
VI	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cải cách tài chính công			

1	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số tổ chức trực thuộc cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách	Cơ quan, đơn vị	7	
4	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan chủ quản cấp tỉnh đã được rà soát và ban hành theo quy	Có = 1 Không = 0	1	
5	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản cấp tỉnh có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được rà	Cơ quan, đơn vị	7	
VII	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Có = 1 Không = 0	1	
2	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Bổ trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Có = 1 Không = 0	1	
3	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tham gia Hệ thống hợp trực tuyến từ tỉnh đến bộ ngành chủ quản	Có = 1 Không = 0	1	
4	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành:			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	- Cơ quan, đơn vị đã kết nối, liên thông với cơ quan cấp trên	Có = 1 Không = 0	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	- Cơ quan, đơn vị đã kết nối, liên thông với cơ quan cấp dưới tại cấp huyện	Có = 1 Không = 0	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị:	Văn bản	1.438	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số)	Văn bản	1.438	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản		
10	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Dịch vụ công trực tuyến			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 1,2	TTHC	29	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	97	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	204	

	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	TTHC		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Triển khai chữ ký số	Có = 1; Không = 0	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng lãnh đạo được cấp chữ ký số	Người	79	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN 131	Số lượng phần mềm điện tử phục vụ công việc	Phần mềm	15	Ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK); Ứng dụng đọc hồ sơ thuế (iTaxViewer); Ứng dụng Quản lý thuế tập trung (TMS); Ứng dụng Phân tích rủi ro lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế (TPR); Ứng dụng II hỗ trợ theo dõi kết quả thanh tra, kiểm tra thuế (TTR); Ứng dụng Tập trung và khai thác thông tin NNT (TPH); Ứng dụng Báo cáo tài chính Doanh nghiệp (BCTC); Ứng dụng Quản lý hóa đơn, ấn chỉ thuế (QLAC); Ứng dụng Kiểm tra nội bộ (KTNB); Phần mềm Quản lý tài sản ngành Tài chính; Ứng dụng Quản lý trước bạ, nhà đất (QLTB-ND); Ứng dụng Nhật ký điện tử cho các đoàn thanh tra, kiểm tra (iTNK); Ứng dụng Dịch vụ Thuế điện tử etax; Ứng dụng Kho có sở dữ liệu tập trung (Data Warehouse); Ứng dụng Ký điện tử tập trung ngành Thuế (KĐT); Hoá đơn điện tử 10/5/2022: Văn bản điện tử.
8	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	Thủ tục		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		

	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
9	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất	Có = 1 Không = 0		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện công bố, công bố lại ISO	Đơn vị		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện đánh giá nội bộ	Đơn vị		
	DM_SNV_PL 2 B4 DVSN	Số đơn vị trực thuộc cơ quan chủ quản cấp tỉnh thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ	Đơn vị		